

**ĐỀ SỐ 11**

(Đề thi có 06 trang)

**MÔN: TIẾNG ANH**

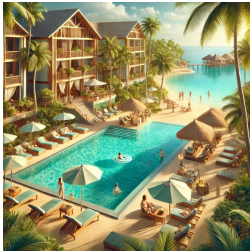
Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

*Read the following advertisement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks.*

**Escape to Paradise at Oceanview Resort**



Looking for a getaway that offers comfort, adventure, and (1) \_\_\_\_\_ memories? Look no further! At **Oceanview Resort**, we provide the perfect escape (2) \_\_\_\_\_ those who want to relax, explore, and indulge. (3) \_\_\_\_\_ on a stunning coastline, our spacious rooms come with (4) \_\_\_\_\_, and the modern amenities you deserve. Whether you're planning to (5) \_\_\_\_\_ a choice between lounging by the pool or hiking through scenic trails, we've got you covered. Our staff is always ready to help you (6) \_\_\_\_\_ your activities, ensuring every moment is as enjoyable as it is memorable. Don't miss out on this incredible opportunity to unwind and reconnect with nature. Book your stay at **Oceanview Resort** today!

(Adapted from *traveloka*)

**Dịch Bài:**

Bạn đang tìm kiếm một kỳ nghỉ mang lại sự thoải mái, phiêu lưu và những kỷ niệm (1) ? Đừng tìm đâu xa! Tại Khu nghỉ dưỡng Oceanview, chúng tôi cung cấp lối thoát hoàn hảo (2) những ai muốn thư giãn, khám phá và tận hưởng. (3) trên một bờ biển tuyệt đẹp, các phòng rộng rãi của chúng tôi được trang bị với (4) và các tiện nghi hiện đại mà bạn xứng đáng có được. Cho dù bạn đang lên kế hoạch để (5) lựa chọn giữa việc nằm bơi tại hồ bơi hoặc đi bộ qua những đường mòn có phong cảnh, chúng tôi đã sẵn sàng hỗ trợ bạn. Nhân viên của chúng tôi luôn sẵn lòng giúp bạn (6) các hoạt động của mình, đảm bảo mỗi khoảnh khắc đều thú vị và đáng nhớ. Đừng bỏ lỡ cơ hội tuyệt vời này để thư giãn và kết nối lại với thiên nhiên. Đặt phòng tại Khu nghỉ dưỡng Oceanview ngay hôm nay!

**Question 1:** A. forget B. forgetful C. forgetfulness D. unforgettable

A. forget - quên-động B. forgetful - hay quên-tính

C. forgetfulness - sự quên lãng-danh D. unforgettable - không thể quên-tính

**TÍNH TỪ + DANH TỪ**

**Question 2:** A. with B. of C. for D. from

provide something for somebody

provide somebody with something

**Question 3:** A. Situating B. Situated C. Whose situation D. To situate

Giản lược mệnh đề cùng chủ ngữ ở dạng bị động- our spacious rooms ( phòng) với situate (toạ lạc)

**Question 4:** A. ocean views breathtaking B. breathtaking views ocean

C. breathtaking ocean views

D. ocean breathtaking views

**TÍNH TỪ + DANH TỪ**

Breathtaking (adj) đẹp ngỡ ngàng

Ocean views (n) cảnh đại dương

**Question 5:** A. put

B. make

C. do

D. get

**MAKE A CHOICE = ĐƯA RA LỰA CHỌN**

**Question 6:** A. plan

B. planning

C. plans

D. to planning

**HELP + O + TO VO / VO = GIÚP ĐỖ**

*Read the following leaflet and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks.*

### **Improve Your Study Skills: Unlock Your Full**

#### **Potential**

Studying can be a stressful task, especially if you have an important test coming up. (7)\_\_\_\_\_, some simple changes can make a big difference:

1. **Organize Your Time:** Set a study schedule and stick to it. Break tasks into smaller steps to avoid (8)\_\_\_\_\_.
2. **Active Learning:** Engage with the (9)\_\_\_\_\_ actively by summarizing, asking questions, and teaching others.
3. **Effective Note-Taking:** Take clear notes during lectures and use diagrams or mind maps to organize information.
4. **Take Breaks:** Don't study for hours without taking a break because it'll only make it harder to learn new things. Take (10)\_\_\_\_\_ minutes to rest your mind every thirty minutes.
5. **Review Regularly:** (11)\_\_\_\_\_ your notes to reinforce what you've learned.

By putting these (12)\_\_\_\_\_ into practice, you'll improve your study habits and boost your grades. So, don't put it off – start today!

(Adapted from *iLearn Smart World*)

#### **Dịch Bài:**

Việc học có thể là một nhiệm vụ căng thẳng, đặc biệt khi bạn có một kỳ thi quan trọng sắp tới. (7) \_\_\_\_\_, một số thay đổi đơn giản có thể tạo ra sự khác biệt lớn:

1. Tổ chức thời gian của bạn: Lên lịch học và tuân thủ nó. Chia nhỏ các nhiệm vụ thành các bước nhỏ hơn để tránh (8) \_\_\_\_\_.
2. Học chủ động: Tham gia vào (9) \_\_\_\_\_ một cách chủ động bằng cách tóm tắt, đặt câu hỏi và dạy cho người khác.
3. Ghi chú hiệu quả: Ghi chép rõ ràng trong các buổi giảng và sử dụng sơ đồ hoặc bản đồ tư duy để tổ chức thông tin.
4. Nghỉ giải lao: Đừng học suốt nhiều giờ mà không nghỉ ngơi vì nó sẽ làm cho việc học trở nên khó khăn hơn. Hãy nghỉ (10) \_\_\_\_\_ phút để thư giãn tâm trí sau mỗi 30 phút học.
5. Ôn tập thường xuyên: (11) \_\_\_\_\_ ghi chú của bạn để củng cố những gì bạn đã học. Bằng cách áp dụng những (12) \_\_\_\_\_ vào thực tế, bạn sẽ cải thiện thói quen học tập và nâng cao điểm số của mình. Vì vậy, đừng trì hoãn - hãy bắt đầu ngay hôm nay!

**Question 7:** A. Because

B. Although

C. Therefore

D. However

A. Bởi vì B. Mặc dù C. Do đó D. Tuy nhiên

**Question 8:** A. postponement

B. hesitation

C. adjustment

D. procrastination

**Postponement:** Là hành động trì hoãn, hoãn lại một công việc, sự kiện, hoặc kế hoạch tới một thời điểm sau. Nó thường ám chỉ việc tạm dừng hoặc hoãn lại một việc gì đó do sự cố, vấn đề ngoài ý muốn hoặc cần thêm thời gian.

**Procrastination:** Đây là hành động cố tình lùi lại, trì hoãn việc cần làm, mặc dù biết rằng nó cần phải được hoàn thành. Khác với "postponement", "procrastination" có tính chất chủ động, thường xảy ra do lười biếng hoặc thiếu động lực.

**Question 9:** A. material

B. ingredient

C. substance

D. element

A. Tài liệu, nguyên liệu B. Nguyên liệu C. Chất D. Yếu tố

**Question 10:** A. a few

B. a little

C. few

D. little

a few: •Sử dụng với danh từ đếm được. •Mang nghĩa "một ít", chỉ một số lượng nhỏ, nhưng đủ để nói rằng có sự tồn tại của những đối tượng. • Ví dụ: I have a few friends (Tôi có một vài người bạn).

few: •Sử dụng với danh từ đếm được. •Mang nghĩa "rất ít", nhấn mạnh sự thiếu hụt hoặc không đủ. • Ví dụ: There are few students in the class (Có rất ít học sinh trong lớp), ngụ ý là số lượng học sinh thiếu thốn.

a little:

•Sử dụng với danh từ không đếm được.

•Mang nghĩa "một ít", chỉ một lượng nhỏ của thứ gì đó không thể đếm được.

•Ví dụ: I have a little time (Tôi có một ít thời gian).

little:

•Sử dụng với danh từ không đếm được.

•Mang nghĩa "rất ít", nhấn mạnh sự thiếu hụt hoặc không đủ của một thứ gì đó không thể đếm được.

•Ví dụ: There is little water left (Còn rất ít nước), ngụ ý rằng lượng nước gần như không đủ.

**Question 11:** A. Put on

B. Go over

C. Take off

D. Make out

A. Mặc vào B. Xem lại C. Cởi ra D. Hiểu ra

**Question 12:** A. regulations

B. rates

C. tricks

D. strategies

A. Quy định B. Tỷ lệ C. Mẹo D. Chiến lược

*Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions.*

**Question 13:**

a. John: Have you heard about the new art exhibition downtown?

b. John: It's a great chance to explore contemporary art from local artists.

c. Sarah: Yes, I have. I'm really excited to go see it this weekend.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)

A. c-b-a

B. b-a-c

C. a-b-c

D. a-c-b

a. John: Bạn có nghe về triển lãm nghệ thuật mới ở trung tâm thành phố không?

b. John: Đây là cơ hội tuyệt vời để khám phá nghệ thuật đương đại từ các nghệ sĩ địa phương.

c. Sarah: Có, tôi đã nghe rồi. Tôi rất háo hức để đi xem vào cuối tuần này.

**Question 14:**

a. Mark: Have you made any plans for the upcoming weekend?

b. Anna: Yes, I'm going hiking with my friends to enjoy the fresh air.

c. Anna: I'm really looking forward to it; we've been planning this trip for weeks!

d. Mark: That sounds fun! Hiking is such a great way to spend time outdoors.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)

A. b-d-c-a

B. a-c-b-d

C. c-a-b-d

D. a-b-d-c

a. Mark: Bạn đã lên kế hoạch gì cho cuối tuần tới chưa?

b. Anna: Có, tôi sẽ đi leo núi với bạn bè để tận hưởng không khí trong lành.

c. Anna: Tôi thật sự mong chờ chuyến đi này; chúng tôi đã lên kế hoạch cho chuyến đi này suốt vài tuần rồi!

d. Mark: Nghe có vẻ thú vị! Leo núi là một cách tuyệt vời để dành thời gian ngoài trời.

**Question 15:** Hi Jenny,

a. It's really rewarding to see the positive impact of the workshops.

b. Thanks so much for the volunteer opportunity you told me about last month.

c. You know, we should collaborate on a new project together. What do you think?

d. Also, the community resources you recommended have been incredibly useful.

e. I've been dedicating most of my time to mentoring students, which has been both challenging and fulfilling. Write back soon.

Chris

(Adapted from *English Material Trang Anh*)

A. b-a-c-e-d

B. a-b-c-d-e

C. b-e-a-d-c

D. b-d-e-c-a

- a. Thật sự rất bổ ích khi thấy tác động tích cực từ các buổi hội thảo.
- b. Cảm ơn rất nhiều về cơ hội tình nguyện mà bạn đã giới thiệu cho tôi vào tháng trước.
- c. Bạn biết không, chúng ta nên hợp tác thực hiện một dự án mới cùng nhau. Bạn nghĩ sao?
- d. Ngoài ra, các tài nguyên cộng đồng mà bạn gợi ý đã vô cùng hữu ích.
- e. Tôi đã dành phần lớn thời gian của mình để hướng dẫn các học sinh, điều này vừa thử thách vừa bổ ích.

**Question 16:**

- a. While occasional travel is required for this role, the opportunity to explore new cultures and meet new people is a small trade-off.
- b. Working as a travel writer allows me to combine my love for writing with my passion for adventure.
- c. Indeed, for the past year, I have been working for an international magazine, where I write articles about various destinations.
- d. My love for storytelling and exploration naturally led me to a fulfilling career in travel writing.
- e. In conclusion, I am extremely satisfied with my current position and the experiences it provides, as it perfectly aligns with my interests and skills.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)

A. c-b-d-a-e

B. a-d-c-b-e

C. a-c-d-e-b

D. d-c-b-a-e

- a. Mặc dù công việc này yêu cầu thỉnh thoảng phải đi công tác, nhưng cơ hội khám phá các nền văn hóa mới và gặp gỡ những người mới là một sự đánh đổi nhỏ.
- b. Làm công việc viết du lịch cho phép tôi kết hợp tình yêu viết lách với niềm đam mê khám phá.
- c. Thực tế, trong năm qua, tôi đã làm việc cho một tạp chí quốc tế, nơi tôi viết các bài báo về những điểm đến khác nhau.
- d. Tình yêu kể chuyện và khám phá tự nhiên đã dẫn tôi đến một sự nghiệp thỏa mãn trong ngành viết du lịch.
- e. Tóm lại, tôi rất hài lòng với vị trí hiện tại và những trải nghiệm mà nó mang lại, vì nó hoàn toàn phù hợp với sở thích và kỹ năng của tôi.

**Question 17:**

- a. Despite these technological advancements, many rural areas still lack reliable internet access.
- b. Over the past decade, the introduction of smartphones and high-speed internet has revolutionized communication.
- c. The increased internet penetration has led to a surge in online businesses, further boosting the economy.
- d. Initially, many were skeptical about the impact of these technologies, but their benefits quickly became evident.
- e. As a result, urban areas have experienced significant growth and increased connectivity.

(Adapted from *English Material Trang Anh*)

A. a-b-d-c-e

B. b-d-e-c-a

C. b-c-e-d-a

D. d-e-b-c-a

- a. Mặc dù có những tiến bộ công nghệ này, nhiều khu vực nông thôn vẫn thiếu sự kết nối internet đáng tin cậy.
- b. Trong suốt thập kỷ qua, sự ra đời của điện thoại thông minh và internet tốc độ cao đã cách mạng hóa giao tiếp.
- c. Việc gia tăng độ thâm nhập của internet đã dẫn đến sự bùng nổ trong các doanh nghiệp trực tuyến, thúc đẩy nền kinh tế thêm mạnh mẽ.
- d. Ban đầu, nhiều người đã hoài nghi về tác động của những công nghệ này, nhưng lợi ích của chúng đã nhanh chóng trở nên rõ ràng.
- e. Kết quả là, các khu vực đô thị đã trải qua sự tăng trưởng mạnh mẽ và kết nối ngày càng tăng.

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.**

Living with your parents as an adult can be a unique and, at times, challenging experience. One of the first things (18)\_\_\_\_\_. No matter how understanding your parents are, there's always the feeling of being monitored. They'll ask where you're going, when you'll be back, or why you need to stay out late. It's not necessarily because they don't trust you, but because they're simply used to taking care of you. (19)\_\_\_\_\_, but it's also a sign of their love and concern.

Another reality of living with parents is the lack of complete independence. While it's convenient to have meals prepared or laundry done without asking, (20)\_\_\_\_\_. Whether it's helping with chores or keeping your room tidy, you might feel like a teenager again. However, this dynamic also teaches you patience and compromise, which are valuable skills in any relationship. Additionally, sharing a space with your family can lead to occasional conflicts, especially when opinions clash, but it also strengthens your bond in unexpected ways.

On the bright side, living with your parents can save a significant amount of money. (21)\_\_\_\_\_. You also enjoy the comfort of home-cooked meals and the emotional support that only family can provide. While it's not always easy, the experience of living with your parents is often a mix of gratitude, frustration, and growth. It's a phase of life that (22)\_\_\_\_\_.

(Adapted from *English*)

Material Trang Anh)

- Question 18:** A. you realize is that privacy becomes a luxury  
B. that realizing is that privacy becomes a luxury  
C. of which you realize is that privacy becomes a luxury  
D. to realizing is that privacy becomes a luxury

"One of the first things" cần được theo sau bởi một mệnh đề đầy đủ (Subject + Verb).

Trong đáp án A, "you realize" (chủ ngữ + động từ) chính là mệnh đề đầy đủ. Sau đó, câu tiếp tục với cấu trúc "is that", nối mệnh đề chính và mệnh đề bổ nghĩa.

Câu B nếu "that" thay cho "things" thì động từ chia chưa đúng, nếu làm tân ngữ của mệnh đề danh ngữ thì cũng sai ngữ pháp.

Câu C có "of which" thì phải chỉ sở hữu nên "things of which" thì câu không có ý nghĩa

Câu D dùng TO VING cũng không đúng ngữ pháp

- Question 19:** A. Although the constant check-ins may sometimes feel like a burden  
B. Having to constantly check in on a regular basis.  
C. This constant check-in can sometimes feel overwhelming  
D. The constant check-in can sometimes feel like an obligation

Không dùng "although" khi đã có "but", câu B không đúng về nghĩa, câu D cũng vậy khi dùng "obligation"

**Question 20:** A. you're often expected to follow their house rules

- B. occasionally expecting to follow the rules of their house  
C. in terms of expecting to follow the rules of their house  
D. which expects to follow the rules of their house

Không thể giản lược bằng phân từ vì không cùng chủ ngữ, "while" là dấu hiệu để khoảng trống cần điền là một câu hoàn chỉnh

- Question 20:** A. you're often expected to follow their house rules  
B. occasionally expecting to follow the rules of their house  
C. in terms of expecting to follow the rules of their house  
D. which expects to follow the rules of their house

- Question 21:** A. Building your career or saving for future, rent-free living allows you to focus  
B. Rent-free living which allows you to focus on building your career or saving for future



C. Building your career can lead to saving for future with rent-free living

D. Rent-free living allows you to focus on building your career or saving for future goals

Xét về phân từ câu chưa thoả mãn, thiếu động từ khi diễn đạt mệnh đề quan hệ, câu C thì không hợp lý về nghĩa “Xây dựng sự nghiệp có thể dẫn đến việc tiết kiệm cho tương lai khi sống không phải trả tiền thuê nhà.”

**Question 22:** A. teaches you to appreciate family while preparing for independence

B. appreciation of family while you are preparing for independence

C. preparing for independence to teach you how to appreciate family

D. independence for which you prepare and teaches you to appreciate family

Phía trước đã có đại từ quan hệ “that” nên khoảng trống là một câu hoàn chỉnh hoặc liên sau “that” là động từ.

*Read the following passage about Stephen Krashen and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions.*

Stephen Krashen is an American linguist and educator credited with the development of the Language Acquisition Theory. He was born in 1941 and **dedicated** all his life to studying the process of L2 acquisition. In fact, his hypothesis has greatly influenced thinking on language teaching, especially in ESL classes. Furthermore, Krashen places more emphasis on the natural approach in learning a language without much reliance on **rigid** grammar rules; hence, being more practical and friendly to learners.

Krashen has integrated five major hypotheses in his theory. Among them, the Acquisition-Learning Hypothesis maintains that people can only naturally acquire a language if they are exposed to it and **it** also states that children learned their first language. **Learning, on the other hand, is a conscious process of studying the rules, though it is not effective as acquisition.** The second is the Input Hypothesis, defined as an instance wherein the learner is exposed to an input somewhat beyond his or her current level of language knowledge, an  $i+1$  level of understanding, to internalize and understand it better.

The third is the Monitor Hypothesis, which claims that conscious learning, such as grammar rules, is only useful in mistake correction rather than in attaining natural fluency. The Affective Filter Hypothesis pinpoints the learner's emotional system where "the more stressed, unmotivated, and anxious the students are, the less likely they will be to pick up language." Lastly, the Natural Order Hypothesis describes that people learn language structures in a predictable order independent of how they have been taught.

Krashen's ideas have really transformed the approach to language learning for many teachers. The theory allows a student to feel at ease in an environment with mainly natural communication and little pressure. Even nowadays, his works remain a cornerstone in modern language teaching and a source of inspiration for educators all over the world.

(Adapted from

montgomeryschoolsmd)

**Question 23:** According to the passage, which of the following is NOT one of the main hypotheses in Krashen's Language Acquisition Theory?

A. Acquisition-Learning Hypothesis

B. Input Hypothesis

C. Natural Order Hypothesis

D. Memory Hypothesis

Theo đoạn văn, đâu là một trong những giả thuyết chính trong lý thuyết Tiếp thu Ngôn ngữ của Krashen?

A. Acquisition-Learning Hypothesis B. Input Hypothesis

C. Natural Order Hypothesis D. Memory Hypothesis

"Krashen has integrated five major hypotheses in his theory. Among them, the Acquisition-Learning Hypothesis... the Input Hypothesis... the Monitor Hypothesis... the Affective Filter Hypothesis... Lastly, the Natural Order Hypothesis..."

"Krashen đã tích hợp năm giả thuyết chính trong lý thuyết của mình. Trong số đó, có Giả thuyết Tiếp thu-Học tập... Giả thuyết Đầu vào... Giả thuyết Giám sát... Giả thuyết Bộ lọc Tình cảm... Cuối cùng là Giả thuyết Trật

tự Tự nhiên..."

**Question 24:** The word **rigid** in the passage is **OPPOSITE** in meaning to\_\_\_\_\_.

- A. strict                      B. flexible                      C. active                      D. solid

Từ "rigid" trong bài đọc có nghĩa đối lập với từ nào sau đây?

- A. Strict   B. Flexible   C. Active   D. Solid

"Krashen places more emphasis on the natural approach in learning a language without much reliance on rigid grammar rules..."

"Krashen nhấn mạnh phương pháp tự nhiên trong việc học ngôn ngữ mà không quá phụ thuộc vào các quy tắc ngữ pháp cứng nhắc..."

**Question 25:** The word **it** in paragraph 2 refers to\_\_\_\_\_.

- A. Acquisition-Learning Hypothesis                      B. a language  
C. their first language                      D. a conscious process

"Learning, on the other hand, is a conscious process of studying the rules, though it is not effective as acquisition."

"Học, mặt khác, là một quá trình có ý thức trong việc học các quy tắc, mặc dù nó không hiệu quả bằng việc tiếp thu."

**Question 26:** The word **dedicated** in paragraph 1 could be best replaced by\_\_\_\_\_.

- A. ignored                      B. focused                      C. resigned                      D. abandoned

Từ "dedicated" trong đoạn 1 có thể được thay thế tốt nhất bằng từ nào?

- A. Ignored   B. Focused   C. Resigned   D. Abandoned

"He was born in 1941 and dedicated all his life to studying the process of L2 acquisition."

"Ông sinh năm 1941 và đã dành cả đời mình để nghiên cứu quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai."

**Question 27:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2?

A. Learning a language involves memorizing grammar rules and consciously applying them to gain fluency, which is less effective than natural acquisition.

B. Acquiring a language naturally, through exposure and interaction, is more effective than the conscious process of memorizing rules.

C. Studying grammar rules consciously is just as effective as acquiring a language naturally through immersion and use in daily communication.

D. Learning a language involves a process where you memorize and consciously practice rules, but it is less effective than acquiring the language naturally over time.

Câu nào dưới đây là cách diễn đạt lại chính xác nhất câu được gạch chân trong đoạn 2?

A. Việc học một ngôn ngữ bao gồm việc ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp và áp dụng có ý thức chúng để đạt được sự lưu loát, điều này kém hiệu quả hơn so với việc tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên.

B. Việc tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên, thông qua việc tiếp xúc và tương tác, hiệu quả hơn so với quá trình học có ý thức các quy tắc.

C. Việc học các quy tắc ngữ pháp có ý thức cũng hiệu quả như việc tiếp thu ngôn ngữ tự nhiên thông qua việc hòa nhập và sử dụng trong giao tiếp hàng ngày.

D. Việc học một ngôn ngữ bao gồm một quá trình trong đó bạn ghi nhớ và thực hành có ý thức các quy tắc, nhưng điều này kém hiệu quả hơn so với việc tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên theo thời gian.

"Learning, on the other hand, is a conscious process of studying the rules, though it is not effective as acquisition."

"Học, mặt khác, là một quá trình có ý thức trong việc học các quy tắc, mặc dù nó không hiệu quả bằng việc tiếp thu."

**Question 28:** Which of the following is **TRUE** according to the passage?

- A. Krashen's theory focuses only on grammar rules in language learning.
- B. The Monitor Hypothesis suggests grammar rules are not useful for language fluency.**
- C. The Affective Filter Hypothesis ignores emotional factors in language learning.
- D. Krashen's theory emphasizes rigid grammar rules over natural communication.

Điều nào sau đây là **ĐÚNG** theo đoạn văn?

- A. Krashen's theory focuses only on grammar rules in language learning.
- B. The Monitor Hypothesis suggests grammar rules are not useful for language fluency.**
- C. The Affective Filter Hypothesis ignores emotional factors in language learning.
- D. Krashen's theory emphasizes rigid grammar rules over natural communication.

"The Monitor Hypothesis claims that conscious learning, such as grammar rules, is only useful in mistake correction rather than in attaining natural fluency."

"Giả thuyết Giám sát cho rằng việc học có ý thức, như các quy tắc ngữ pháp, chỉ hữu ích trong việc sửa lỗi thay vì đạt được sự lưu loát tự nhiên."

**Question 29:** In which paragraph does the writer describe the role of emotions in language learning?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3**
- D. Paragraph 4

Trong đoạn nào tác giả mô tả vai trò của cảm xúc trong việc học ngôn ngữ?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

"The Affective Filter Hypothesis pinpoints the learner's emotional system where 'the more stressed, unmotivated, and anxious the students are, the less likely they will be to pick up language.'"

"Giả thuyết Bộ lọc Tình cảm chỉ ra hệ thống cảm xúc của người học, nơi 'càng căng thẳng, thiếu động lực và lo âu, học sinh càng ít khả năng tiếp thu ngôn ngữ.'"

**Question 30:** In which paragraph does the writer mention the exposure to language input?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2**
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Trong đoạn nào tác giả đề cập đến việc tiếp xúc với đầu vào ngôn ngữ?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

"The second is the Input Hypothesis, defined as an instance wherein the learner is exposed to an input somewhat beyond his or her current level of language knowledge, an  $i+1$  level of understanding, to internalize and understand it better."

"Giả thuyết thứ hai là Giả thuyết Đầu vào, được định nghĩa là trường hợp khi người học tiếp xúc với một đầu vào vượt qua mức độ hiểu biết ngôn ngữ hiện tại của họ, một mức độ  $i+1$ , để tiếp thu và hiểu nó tốt hơn."

Stephen Krashen là một nhà ngôn ngữ học và nhà giáo dục người Mỹ được ghi nhận với việc phát triển Thuyết Tiếp Thu Ngôn Ngữ. Ông sinh năm 1941 và đã dành trọn cả đời mình để nghiên cứu quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (L2). Thực tế, giả thuyết của ông đã ảnh hưởng lớn đến suy nghĩ về giảng dạy ngôn ngữ, đặc biệt là trong các lớp tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL). Hơn nữa, Krashen đặt nhiều trọng tâm hơn vào phương pháp tự nhiên trong việc học một ngôn ngữ mà không dựa nhiều vào các quy tắc ngữ pháp cứng nhắc; do đó, phương pháp này thực tế và thân thiện hơn với người học.

Krashen đã tích hợp năm giả thuyết chính vào lý thuyết của mình. Trong số đó, Giả thuyết Tiếp Thu-Học tập khẳng định rằng con người chỉ có thể tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên nếu họ được tiếp xúc với nó và cũng nói rằng trẻ em học ngôn ngữ đầu tiên của mình. Trong khi đó, học tập là quá trình ý thức học các quy tắc, mặc dù nó không hiệu quả bằng việc tiếp thu. Giả thuyết thứ hai là Giả thuyết Nhập liệu, được định nghĩa là trường hợp trong đó người học được tiếp xúc với một đầu vào vượt xa mức độ kiến thức ngôn ngữ hiện tại của họ, ở mức hiểu biết  $i+1$ , để nội tâm hóa và hiểu nó tốt hơn.



Giả thuyết thứ ba là Giả thuyết Giám sát, cho rằng học tập có ý thức, chẳng hạn như các quy tắc ngữ pháp, chỉ hữu ích trong việc sửa lỗi thay vì đạt được sự lưu loát tự nhiên. Giả thuyết Lọc Tác động xác định hệ thống cảm xúc của người học, trong đó "người học càng căng thẳng, thiếu động lực và lo lắng thì khả năng họ tiếp thu ngôn ngữ càng ít." Cuối cùng, Giả thuyết Trật tự Tự nhiên mô tả rằng con người học cấu trúc ngôn ngữ theo một trình tự dự đoán được, không phụ thuộc vào cách họ đã được dạy.

Các ý tưởng của Krashen thực sự đã thay đổi cách tiếp cận học ngôn ngữ của nhiều giáo viên. Lý thuyết này cho phép học sinh cảm thấy thoải mái trong một môi trường chủ yếu giao tiếp tự nhiên và ít áp lực. Ngay cả ngày nay, các công trình của ông vẫn là nền tảng trong giảng dạy ngôn ngữ hiện đại và là nguồn cảm hứng cho các nhà giáo dục trên toàn thế giới.

*Read the following passage about Nyepi and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions*

[I] Nestling within dynamic Balinese culture comes one of the world's most intriguing and peculiar events: Nyepi. The Balinese New Year, better known as Nyepi, doesn't involve parties or fireworks. [II] This follows with a deep silent day of self-meditation and spiritual cleansing [III]. It is a holy day, derived from the Saka Calendar, when the predominantly Hindu population of this island gets an opportunity to reunite with their inner self and their gods. [IV]

The preparation for Nyepi starts days in advance, with the execution of various colored and meaningful rituals. The most interesting include an Ogoh-Ogoh parade where huge and artistic statutes, which represent evil spirits, are taken along the streets. Made from bamboo and paper, these statues constitute both kinds of artistic work and forms of exorcising the island from all negative feelings. The Ogoh-Ogoh figures are ritually burned in a spectacular display as the sun is setting, a ritual that symbolizes destruction to evil spirits and spiritual rejuvenation.

But on Nyepi Day itself, the island is supposed to be in full stillness-no flights, no traffic, no lights, and no noise. Even tourists are encouraged to stay indoors and minimize activities by this convention. The streets are empty; it is a case whereby the island stood still, holding its breath. This silence amongst the Balinese people is an inside thing, deeply. They go into meditation, fasting, and reflection on life for a balance between good and evil in themselves. The silence is said to deceive the evil spirits that the island is indeed uninhabited, thus offering protection for the forthcoming year.

More than a religious holiday, Nyepi is deeply enriching in culture and spirituality, underlining the values of harmony and introspection particular to the Balinese. For any visitor, the experience of Nyepi is at once an exercise in humility and a source of inspiration. A stepping back from the din of modern life into the emotive power of silence, leaving with great respect for timeless traditions and the never-failing devotion of the people to beliefs.

(Adapted from *viceroybali*)

**Question 31:** Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?

**It is a rare experience given to both locals and visitors of the deep stillness in harmony of the whole island.**

A. [I]

B. [II]

C. [III]

**D. [IV]**

Ở đoạn 1, câu nào sau đây phù hợp nhất để đặt ở đâu?

"It is a rare experience given to both locals and visitors of the deep stillness in harmony of the whole island."

A. [I]

B. [II]

C. [III]

D. [IV]

Câu này mô tả sự hiếm có của trải nghiệm về sự tĩnh lặng sâu sắc của cả hòn đảo, điều này phù hợp với đoạn văn nói về cảm giác tĩnh lặng của ngày Nyepi sau khi miêu tả các nghi lễ chuẩn bị cho sự kiện. Đoạn [IV] là

đoạn tóm tắt về ảnh hưởng của sự tĩnh lặng, nó nói về sự bình yên và sự ảnh hưởng sâu sắc của Nyepi lên du khách và người dân địa phương, nên đây là vị trí phù hợp nhất để đặt câu này.

"Nyepi offers an experience of complete stillness across the island, creating a sense of harmony that is rare for both locals and visitors." (Nyepi mang đến một trải nghiệm im lặng hoàn toàn trên khắp hòn đảo, tạo ra một cảm giác hài hòa hiếm có cho cả cư dân và du khách.)

**Question 32:** The phrase **in advance** in the second paragraph could be best replaced by \_\_\_\_\_.

- A.** beforehand      **B.** after-hours      **C.** immediately      **D.** during the event

Cụm từ *in advance* trong đoạn 2 có thể thay thế tốt nhất bằng

A. beforehand - trước đó, trước khi sự kiện diễn ra

B. after-hours - sau giờ làm việc

C. immediately - ngay lập tức

D. during the event - trong suốt sự kiện

Trong đoạn 2, bài viết nói về việc chuẩn bị trước:

"Visitors are advised to book accommodations and tours in advance as many businesses close during Nyepi." (Du khách được khuyên nên đặt chỗ ở và các tour từ trước vì nhiều cơ sở kinh doanh sẽ đóng cửa trong dịp Nyepi.)

**Question 33:** The word **its** in paragraph 3 refers to \_\_\_\_\_.

- A.** case      **B.** island      **C.** convention      **D.** silence

Từ *rejuvenation* trong đoạn 2 đề cập đến

A. sự phá hủy cảm xúc tiêu cực

B. sự làm mới tinh thần

C. sự thể hiện nghệ thuật

D. một dạng lễ kỷ niệm nghi thức

Từ *rejuvenation* được dùng trong ngữ cảnh liên quan đến việc làm mới tinh thần:

"The rituals before Nyepi are considered a time for spiritual rejuvenation and cleansing of the past year's negativity." (Các nghi thức trước Nyepi được xem là thời gian để làm mới tinh thần và thanh tẩy những tiêu cực của năm qua.)

**Question 34:** Which of the following is NOT mentioned as part of the Nyepi preparation in the passage?

- A.** Ogoh-Ogoh parade      **B.** Exorcising evil spirits  
**C.** Ritual burning of statues      **D.** Elaborate fireworks displays

Điều nào sau đây KHÔNG được nhắc đến như một phần trong quá trình chuẩn bị cho Nyepi?

A. Diễu hành Ogoh-Ogoh

B. Trừ tà ác quỷ

C. Đốt các bức tượng trong nghi thức

D. Các màn bắn pháo hoa công phu

Bài viết liệt kê các hoạt động chuẩn bị nhưng không nhắc đến pháo hoa:

"Preparations include an elaborate Ogoh-Ogoh parade, symbolic exorcisms of spirits, and purification rituals involving burning statues."

(Các hoạt động chuẩn bị bao gồm một cuộc diễu hành Ogoh-Ogoh công phu, các nghi lễ trừ tà mang tính biểu tượng và các nghi thức thanh tẩy như đốt tượng.)

**Question 35:** Which of the following best summarizes paragraph 3?

- A.** Nyepi Day involves a complete halt of all activities, including travel, lights, and noise, creating a

rare experience of stillness.

**B.** The island prepares for Nyepi by engaging in large parades, including loud celebrations and fireworks.

**C.** Tourists are invited to join in traditional ceremonies, including meditation and spiritual cleansing.

**D.** The silence during Nyepi is an opportunity for residents to engage in large community events for spiritual renewal.

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất nội dung của đoạn 3?

A. Ngày Nyepi bao gồm việc dừng hoàn toàn mọi hoạt động, bao gồm di chuyển, bật đèn, và tạo tiếng ồn, tạo nên một trải nghiệm tĩnh lặng độc đáo.

B. Hòn đảo chuẩn bị cho Nyepi bằng các cuộc diễu hành lớn, bao gồm cả lễ hội và pháo hoa.

C. Du khách được mời tham gia các nghi lễ truyền thống, bao gồm thiền định và thanh lọc tinh thần.

D. Sự tĩnh lặng trong Nyepi là cơ hội để cư dân tham gia các sự kiện cộng đồng lớn nhằm làm mới tinh thần.

Đoạn 3 miêu tả sự tĩnh lặng trong ngày Nyepi:

"Nyepi Day brings the entire island to a standstill — no lights, no travel, and no noise. This complete silence offers a rare opportunity for deep reflection and unity." (Ngày Nyepi khiến toàn bộ hòn đảo ngừng mọi hoạt động – không có ánh sáng, không di chuyển và không tiếng ồn. Sự tĩnh lặng này mang đến cơ hội hiếm hoi để suy ngẫm sâu sắc và gắn kết.)

**Question 36:** The word "stillness" in paragraph 3 is **OPPOSITE** in meaning to \_\_\_\_\_.

**A.** chaos

**B.** quiet

**C.** reflection

**D.** peace

Từ *stillness* trong đoạn 3 trái nghĩa với

A. chaos - hỗn loạn

B. quiet - yên tĩnh

C. reflection - sự suy ngẫm

D. peace - hòa bình

Từ *stillness* trong đoạn văn miêu tả sự yên tĩnh, hài hòa hoàn toàn đối lập với "chaos" (sự hỗn loạn):

"The deep stillness across the island creates a serene harmony rarely experienced." (Sự tĩnh lặng sâu sắc trên khắp hòn đảo tạo ra một sự hài hòa yên bình hiếm có.)

**Question 37:** Which of the following is **TRUE** according to the passage?

**A.** Nyepi is celebrated with loud fireworks and festive celebrations.

**B.** The Ogoh-Ogoh statues are burned as a part of a purification ritual.

**C.** Tourists are encouraged to take part in every Nyepi ritual with the locals.

**D.** The silence on Nyepi is meant to symbolize the island's abandonment by the spirits.

Điều nào sau đây ĐÚNG theo bài đọc?

A. Nyepi được tổ chức bằng pháo hoa và lễ hội sôi động.

B. Các tượng Ogoh-Ogoh được đốt như một phần của nghi lễ thanh tẩy.

C. Du khách được khuyến khích tham gia tất cả các nghi lễ Nyepi cùng người dân địa phương.

D. Sự tĩnh lặng trong Nyepi tượng trưng cho việc hòn đảo bị bỏ rơi bởi các linh hồn.

Bài viết nói rõ việc đốt tượng Ogoh-Ogoh là một phần của nghi lễ thanh tẩy:

"The Ogoh-Ogoh statues, symbolizing negative forces, are paraded through the streets and then burned to signify purification." (Các tượng Ogoh-Ogoh, biểu tượng của những năng lượng tiêu cực, được diễu hành qua các con phố và sau đó bị đốt để tượng trưng cho sự thanh tẩy.)

**Question 38:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

**A.** The absence of noise makes evil spirits believe that no one is living on the island, offering protection for the coming year.

**B.** The noise of Nyepi is thought to be a signal to evil spirits, making them think the island is empty and keeping it safe for the year ahead.

**C.** The stillness during Nyepi keeps the islanders safe by making evil spirits believe the island is inhabited.

**D.** The silence of Nyepi creates an illusion for the evil spirits, ensuring its protection for the following year.

Điều nào sau đây diễn đạt lại tốt nhất câu gạch chân trong đoạn 4?

A. Sự vắng mặt của tiếng ồn khiến các linh hồn tà ác tin rằng không có ai sống trên đảo, mang lại sự bảo vệ cho năm tới.

B. Tiếng ồn của Nyepi được cho là một dấu hiệu đối với các linh hồn tà ác, khiến chúng nghĩ rằng đảo vắng người và giữ cho đảo an toàn trong năm tới.

C. Sự tĩnh lặng trong ngày Nyepi giữ an toàn cho cư dân trên đảo bằng cách làm cho các linh hồn tà ác tin rằng đảo có người ở.

D. Sự im lặng của Nyepi tạo ra một ảo tưởng đối với các linh hồn tà ác, đảm bảo sự bảo vệ cho năm tiếp theo.

Câu gạch chân trong bài viết diễn đạt ý tưởng rằng sự im lặng là để bảo vệ hòn đảo khỏi các linh hồn tà ác: "By maintaining complete silence, locals believe the island appears uninhabited, discouraging spirits from lingering."

(Bằng cách duy trì sự im lặng hoàn toàn, người dân địa phương tin rằng hòn đảo trông như không có người ở, ngăn cản các linh hồn lang thang lại gần.)

**Question 39:** Which of the following can be inferred from the passage?

**A.** The silence of Nyepi is a form of spiritual reflection and a way to protect the islanders.

**B.** The preparation for Nyepi includes loud parades and celebrations, which contrast with the quiet of the actual day.

**C.** The Ogoh-Ogoh statues are destroyed in a ritual that symbolizes cleansing the island from positive forces.

**D.** Nyepi is an event mostly aimed at tourists who visit Bali for a cultural experience.

Điều nào sau đây có thể suy ra từ bài đọc?

A. Sự tĩnh lặng của Nyepi là một hình thức phản chiếu tinh thần và bảo vệ cư dân trên đảo.

B. Sự chuẩn bị cho Nyepi bao gồm các cuộc diễu hành lớn và lễ hội, trái ngược với sự yên tĩnh trong ngày chính.

C. Các tượng Ogoh-Ogoh bị phá hủy trong nghi lễ nhằm thanh tẩy hòn đảo khỏi các năng lượng tiêu cực.

D. Nyepi chủ yếu dành cho khách du lịch muốn trải nghiệm văn hóa.

Bài viết mô tả sự đối lập giữa các nghi lễ ồn ào trước Nyepi và sự tĩnh lặng tuyệt đối trong ngày chính:

"The silence is said to deceive the evil spirits that the island is indeed uninhabited, thus offering protection for the forthcoming year." "

(Sự im lặng này được cho là sẽ đánh lừa các linh hồn xấu, khiến chúng nghĩ rằng hòn đảo thực sự không có người ở, từ đó mang lại sự bảo vệ cho năm tới.)

**Question 40:** Which of the following best summarizes the passage?

**A.** Nyepi is a day of profound spiritual reflection, where both locals and visitors take part in complete silence to foster self-awareness and protection from evil spirits.

**B.** Nyepi is an annual event in Bali, featuring parades, silence, and rituals, all aimed at cleansing the spirit and creating harmony between locals and visitors.

C. Nyepi is a significant religious event in Bali, observed with various rituals, a grand parade, and a complete day of silence for everyone, fostering spiritual awareness and inner peace.

D. During Nyepi, the residents of the island practice complete silence, and tourists are encouraged to stay indoors and reflect on the cultural significance and traditions of the holiday.

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất bài viết?

A. Nyepi là một ngày để suy ngẫm sâu sắc về tinh thần, nơi cả người dân địa phương và du khách tham gia vào sự im lặng hoàn toàn để nâng cao nhận thức bản thân và bảo vệ khỏi các linh hồn tà ác.

B. Nyepi là một sự kiện hàng năm ở Bali, bao gồm các cuộc diễu hành, sự im lặng và các nghi lễ, tất cả nhằm mục đích thanh tẩy tinh thần và tạo sự hài hòa giữa người dân địa phương và du khách.

C. Nyepi là một sự kiện tôn giáo quan trọng ở Bali, được tổ chức với các nghi lễ khác nhau, một cuộc diễu hành lớn và một ngày im lặng hoàn toàn cho tất cả mọi người, nhằm nâng cao nhận thức tinh thần và tìm kiếm sự bình an nội tâm.

D. Trong ngày Nyepi, cư dân trên đảo thực hành sự im lặng hoàn toàn, và du khách được khuyến khích ở trong nhà và suy ngẫm về ý nghĩa văn hóa cũng như các truyền thống của ngày lễ.

Mặc dù phương án B nói về các nghi lễ, diễu hành và sự im lặng, nhưng nó không nhấn mạnh vào yếu tố suy ngẫm tinh thần sâu sắc và bảo vệ khỏi linh hồn tà ác, mà chỉ tập trung vào việc thanh tẩy tinh thần và sự hòa hợp giữa người dân địa phương và du khách. Điều này thiếu đi mục tiêu quan trọng của Nyepi như được miêu tả trong A.

Phương án C đã bỏ qua một yếu tố quan trọng: bảo vệ khỏi các linh hồn tà ác. Nó chỉ nói về việc nâng cao nhận thức tinh thần và tìm kiếm sự bình an nội tâm, nhưng thiếu đi mục đích bảo vệ của sự im lặng trong Nyepi.

Phương án D chỉ tập trung vào việc du khách được khuyến khích ở trong nhà và suy ngẫm về các truyền thống văn hóa, nhưng không đề cập đến ý nghĩa tinh thần sâu sắc của sự im lặng và mục đích bảo vệ khỏi linh hồn tà ác, điều này là yếu tố quan trọng trong Nyepi.

Nằm trong nền văn hóa Bali năng động là một trong những sự kiện thú vị và kỳ lạ nhất thế giới: Nyepi. Năm Mới Bali, được biết đến nhiều hơn với tên gọi Nyepi, không bao gồm các bữa tiệc hay pháo hoa. Điều này được tiếp nối bằng một ngày im lặng sâu sắc dành cho thiên định bản thân và thanh lọc tâm linh. Đây là một ngày thánh lễ, được lấy từ Lịch Saka, khi phần lớn dân cư Hindu của hòn đảo này có cơ hội tái kết nối với bản thân bên trong và các vị thần của họ.

Việc chuẩn bị cho Nyepi bắt đầu từ vài ngày trước, với việc thực hiện các nghi lễ đầy màu sắc và ý nghĩa khác nhau. Những nghi lễ thú vị nhất bao gồm đoàn diễu hành Ogoh-Ogoh, nơi những bức tượng lớn và nghệ thuật, đại diện cho các linh hồn xấu, được đưa dạo quanh các con phố. Được làm từ tre và giấy, những bức tượng này vừa là tác phẩm nghệ thuật vừa là hình thức trừ tà hòn đảo khỏi mọi cảm xúc tiêu cực. Các hình tượng Ogoh-Ogoh được thiêu rụi theo nghi lễ trong một màn trình diễn hoành tráng khi mặt trời lặn, một nghi lễ tượng trưng cho sự tiêu diệt các linh hồn xấu và sự trẻ hóa tinh thần.

Nhưng vào chính ngày Nyepi, hòn đảo được yêu cầu giữ im lặng hoàn toàn—không chuyến bay, không giao thông, không đèn sáng và không tiếng ồn. Ngay cả du khách cũng được khuyến khích ở trong nhà và giảm thiểu các hoạt động theo quy ước này. Các con phố trống rỗng; hòn đảo như đứng yên, nín thở. Sự im lặng này giữa người dân Bali là một điều nội tâm, sâu sắc. Họ thực hiện thiên định, nhịn ăn và suy ngẫm về cuộc sống để cân bằng giữa thiện và ác trong bản thân. Sự im lặng được cho là lừa các linh hồn xấu rằng hòn đảo thực sự không có người, từ đó cung cấp sự bảo vệ cho năm tới.

Hơn cả một ngày lễ tôn giáo, Nyepi mang lại sự phong phú sâu sắc về văn hóa và tâm linh, nhấn mạnh các giá trị về hòa hợp và tự suy ngẫm đặc trưng của người Bali. Đối với bất kỳ du khách nào, trải nghiệm Nyepi vừa là một bài tập về sự khiêm nhường vừa là nguồn cảm hứng. Đó là một bước lùi khỏi sự ồn ào của cuộc sống hiện đại vào sức mạnh cảm xúc của sự im lặng, để lại sự kính trọng lớn lao đối với những truyền thống trường tồn và sự tận tụy không bao giờ phai nhạt của người dân đối với niềm tin.

----- **THE END** -----

- *Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*
- *Giám thị không giải thích gì thêm.*